TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 90/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 69/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Huỳnh Hoa Hải T, sinh năm 1977; Địa chỉ: 337A Đường K, khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: 337A Đường K, khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Hoa Hải T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/2004 ngày 26/4/2004 của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 29/12/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/01/2026, bà Huỳnh Hoa Hải T và ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh Ánh M, sinh ngày 16/8/2005 hiện đã trưởng thành và trẻ Nguyễn Huỳnh Tú M, sinh ngày 02/10/2009. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Huỳnh Tú M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông T và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Huỳnh Hoa Bảo T và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/2004 ngày 26/4/2004 của Ủy ban nhân dân Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: tên Nguyễn Huỳnh Ánh M, sinh ngày 16/8/2005 hiện đã trưởng thành và trẻ Nguyễn Huỳnh Tú M, sinh ngày 02/10/2009. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Huỳnh Tú M cho bà Trân trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T đến khi bà T có yêu cầu.

Ông Trung có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Huỳnh Hoa Hải T và ông Nguyễn Văn T phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai số 0000820 ngày 06/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương